TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-ST
Ngày 20-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hà

Bà Trần Thị Thu Quỳnh

- Thư ký phiên toà*:* Ông Dương Minh Nghĩa - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đoàn Quảng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Đặng Thị Ngọc T, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đường L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T (đã chết) và bà Ngư Ngọc L; chưa có chồng, con; tiền án: Tại Bản án số 167/2015/HSST ngày 22/12/2015, Toà án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 45 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 255/HSST ngày 28/12/1998, Toà án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tại Bản án số 139/HSST ngày 31/8/2007, Toà án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt 42 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy (đều đã được xóa án tích); tạm giữ ngày 12/3/2020; tạm giam từ ngày 13/3/2020; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy nên khoảng 06 giờ ngày 12/3/2020, Đặng Thị Ngọc T đi bộ một mình đến khu vực ngõ 380 đường Tô Hiệu, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng để mua ma túy về sử dụng. Tại đây, T gặp và mua của 01 người đàn ông không quen biết 01 gói giấy màu vàng kích thước 1x2cm chứa ma túy Heroine với giá 200.000 đồng. Sau đó, T đem số ma túy về nhà sử dụng hết một phần, số ma túy còn lại T gói lại rồi cất vào trong túi quần mình đang mặc. Đến 17 giờ cùng ngày, T đi chợ về đến nhà, thấy lực lượng công an đang tuần tra trong ngõ 221 đường Lạch Tray, T dùng tay trái lấy gói ma túy định vứt đi thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng.

Vật chứng thu giữ: Trong lòng bàn tay trái của T 01 gói giấy màu vàng kích thước 1x2cm bên trong chứa chất bột màu trắng đục và số tiền 100.000 đồng trong túi quần bên phải của T.

Theo Kết luận giám định số 123/KLGĐ ngày 13/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Chất bột màu trắng chứa trong gói giấy thu của T là ma túy, có khối lượng 0,13 gam, là loại Heroine.

Tại Bản Cáo trạng số 50/CT-VKSNQ ngày 19/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Đặng Thị Ngọc T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo khai số tiền 100.000 đồng thu giữ của bị cáo là tiền bị cáo chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, không dùng để mua ma túy.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thị Ngọc T mức án từ 42 tháng đến 48 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản nên không buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 123/2020/PC09 (chứa chất ma túy còn lại sau giám định) của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Số tiền 100.000 đồng bị cáo khai là tiền bị cáo lao động kiếm được để chi tiêu cá nhân nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về căn cứ xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

[1] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ ngày 12/3/2020, bị cáo Đặng Thị Ngọc T đã có hành vi cất giữ trái phép 0,13 gam Heroine trong lòng bàn tay trái để sử dụng. Vì vậy, hành vi của Đặng Thị Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đối với bị cáo Đặng Thị Ngọc T về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm chính sách quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với các chất ma túy, góp phần làm suy giảm sức khỏe của bản thân và cộng đồng, còn xâm phạm trật tự trị an xã hội. Nhân thân bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích và 02 tiền án đã được xóa. Lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu, có ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt vì tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[4] Do bị cáo T không có công việc, thu nhập ổn định và không có tài sản nên không buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Về vật chứng của vụ án:

[5] 01 phong bì niêm phong số 123/2020/PC09 (chứa chất ma túy còn lại sau giám định) cần tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Số tiền 100.000 đồng là tiền của bị cáo do lao động mà có không liên quan đến vụ án nên cần trả lại theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo:

[8] Bị cáo Đặng Thị Ngọc T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

[8] Việc khởi tố, điều tra, truy tố và ban hành quyết định khởi tố, truy tố; áp dụng biện pháp ngăn chặn; tống đạt các văn bản tố tụng; lấy lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; thời hạn điều tra, truy tố; thủ tục giám định trong tố tụng hình sự đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Trong vụ án này, người đàn ông bán ma túy cho bị cáo T do T không biết tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan công an tách ra làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Thị Ngọc T 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 3 năm 2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 123/2020/PC09; trả lại bị cáo Đặng Thị Ngọc T số tiền 100.000 đồng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Biên lai thu tiền số 3298 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo Đặng Thị Ngọc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Đặng Thị Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- CQĐT Công an quận Ngô Quyền;
- Đội CSHTTP Công an quận Ngô Quyền;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- PV27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Thu